TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2021/DS-PT
Ngày: 29 - 12 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Thành Tâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh L.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2021/TLPT-DS ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2021/DS-ST ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2021/QĐ-PT ngày 02/11/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2021/QĐ-HPT ngày 18/11/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 342/2021/QĐ-PT ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1970. Vắng mặt.

Bà Lương Thị Lam Q, sinh năm: 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 114/15/28 P, Phường 9, quận G, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M, bà Q:

Ông Lương Khải A, sinh năm: 1975. Có mặt.

Địa chỉ: Số 35 đường số 18, Phường 8, quận G, Thành phố H.

Văn bản ủy quyền ngày 03/10/2020.

2- *Bị đơn*: Ông Phan Ngọc H, sinh năm: 1972. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 11 tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H:

Ông Phan Ngọc T, sinh năm: 1964. Có mặt.

Địa chỉ: Số 159, tổ 2, tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L.

Văn bản ủy quyền ngày 29/10/2020.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H:

1/. Luật sư Nguyễn Phương Đại N. Có mặt.

2/. Luật sư Nguyễn Văn H. Có mặt.

Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Đại nghĩa thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L.

Địa chỉ: Số 11A T, Phường 4, thành phố Đà Lạt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xuất nhập khẩu C.

Địa chỉ trụ sở: Số 490 N, Phường 3, quận P, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xuất nhập khẩu C:

Ông Phan Ngọc H; chức vụ: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xuất nhập khẩu C.

Địa chỉ: Số 11, tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L.

2/ Bà Trần Thị Thúy H2; chức vụ: Nhân viên kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xuất nhập khẩu C.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh L.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Phan Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Lương Thị Lam Q trình bày:

Ngày 11/9/2019, ông M, bà Q và ông Phan Ngọc H có ký hợp đồng vay số tiền 9.000.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, đã được công chứng theo quy định của pháp luật. Ông H thế chấp cho ông M, bà Q 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp ngày 7/11/2013. Sau khi vay tiền về đầu tư, kinh doanh, ông H đã trả cho ông M, bà Q 4.000.000.000 đồng, đến ngày 16/01/2020 ông H có gửi thư điện tử xác nhận còn nợ 5.500.000.000 đồng và

hẹn đến ngày 10/3/2020 ông H sẽ trả 2.500.000.000 đồng cho ông M, bà Q nhưng ông H vẫn không trả tiền theo cam kết.

Ngày 25/02/2020, ông H đến gặp ông M, bà Q viết giấy nhận nợ 5.500.000.000 đồng và hẹn trả 3.000.000.000 đồng vào ngày 10/3/2020 cho ông M, bà Q.

Ngày 06/3/2020, ông H trả số tiền 400.000.000 đồng; ngày 10/3/2020 chuyển trả 1.000.000.000 đồng; ngày 10/4/2020 chuyển trả 100.000.000 đồng; ngày 29/4/2020 chuyển trả 50.000.000 đồng; ngày 26/5/2020 chuyển trả 50.000.000 đồng và ngày 18/6/2020 chuyển trả 100.000.000 đồng. Tổng số tiền ông H đã trả là 1.700.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện ngày 20/8/2020, ông M, bà Q yêu cầu ông H phải trả số tiền 4.100.000.000 đồng, sau khi hai bên đối chiếu công nợ thì ông H đã trả được 1.700.000.000 đồng và còn nợ lại ông M, bà Q 3.800.000.000 đồng. Trong thời gian thụ lý vụ án ông M, bà Q rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Phan Ngọc H trả cho ông M bà Q số tiền gốc là 3.800.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi trong hạn 1%/tháng tính từ ngày 16/01/2020 đến ngày 10/3/2020 và lãi quá hạn 1,5%/tháng tính từ ngày 11/3/2020 cho đến khi trả nợ xong. Ông M, bà Q đồng ý trả lại cho ông H 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp ngày 07/11/2013.

Bị đơn ông Phan Ngọc T trình bày:

Ông H thừa nhận, ngày 11/9/2019, ông H có vay số tiền là 9.000.000.000 đồng của ông M, bà Q là đúng. Quá trình ông H vay mượn tiền của ông M, bà Q với thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng theo giấy vay tiền các bên ký kết, nhưng khi trả tiền ông M, bà Q tính lãi là 3.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày nên ông H đã chuyển tiền lãi cho ông M, bà Q rất nhiều lần (trong đó có số tiền nhỏ và số tiền lớn cũng có, kèm theo hóa đơn, chứng từ). Hiện nay, ông H chỉ còn nợ 1.074.926.000 đồng số tiền gốc chưa tính lãi.

Nay ông M, bà Q khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền là 3.800.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn 1%/tháng tính từ ngày 16/01/2020 đến ngày 10/3/2020 và lãi quá hạn 1,5%/tháng từ ngày 11/3/2020 cho đến khi trả hết số tiền trên thì bị đơn ông H không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn ông M, bà Q. Ông H chỉ đồng ý trả 1.088.000.000 đồng và 359.111.667 đồng tiền lãi.

Đề nghị Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án; yêu cầu ông M, bà Q trả lại cho ông H 01 giấy chứng nhận

đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp ngày 07/11/2013.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2021/DS-ST ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Lương Thị Lam Q về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn ông Phan Ngọc H.

Buộc ông Phan Ngọc H phải trả cho ông Nguyễn Văn M, bà Lương Thị Lam Q số tiền gốc là 3.800.000.000 đồng *(ba tỷ tám trăm triệu đồng)* và số tiền lãi là 591.533.300 đồng *(năm trăm chín mươi mốt triệu năm trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng)*. Tổng cộng, số tiền gốc và tiền lãi là 4.391.533.300 đồng *(bốn tỷ ba trăm chín mươi mốt triệu năm trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng)*, ông H tiếp tục chịu tiền lãi từ ngày tiếp theo (05/5/2021) cho đến khi trả hết số tiền gốc.

Ngoài ra, quyết định của bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 17/5/2021, bị đơn ông Phan Ngọc H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2021/DS-ST ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện L theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Lương Thị Lam Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông H (do ông Thành là người đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Thành.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Thành là luật sư Nghĩa và luật sư Hoằng đề nghị đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông H; sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng tuyên bổ sung nội dung đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông M, bà Q đối với số

tiền 300.000.000 đồng do nguyên đơn ông M, bà Q rút một phần yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xuất phát từ việc nguyên đơn ông M, bà Q cho rằng ngày 11/9/2019, ông H có ký hợp đồng vay số tiền 9.000.000.000 đồng của ông M, bà Q, hợp đồng vay tài sản được công chứng tại Phòng công chứng số 6 Thành phố H. Trong quá trình vay thì ông H đã trả cho ông M, bà Q được số tiền 4.000.000.000 đồng. Đến ngày 16/01/2020, ông H có gửi thư điện tử xác nhận còn nợ ông M, bà Q số tiền 5.500.000.000 đồng. Sau khi hai bên đối chiếu xác nhận nợ thì từ ngày 10/3/2020 đến ngày 18/6/2020 ông H trả được thêm số tiền 1.700.000.000 đồng, còn nợ lại 3.800.000.000 đồng. Do ông H không trả cho ông M, bà Q số tiền còn lại theo thỏa thuận nên ông M, bà Q khởi kiện yêu cầu ông H phải trả số tiền trên và lãi suất theo thỏa thuận.

Còn bị đơn ông H thì không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông M, bà Q và cho rằng hiện nay ông H chỉ còn nợ số tiền 1.088.000.000 đồng tiền gốc và 359.111.667 đồng tiền lãi nên các bên phát sinh tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Phan Ngọc H:

[2.1] Năm 2019, ông H có vay tiền nhiều lần của ông M, bà Q. Đến ngày 11/9/2019, tại Phòng công chứng số 6, Thành phố H ông H và ông M, bà Q lập hợp đồng vay tài sản thể hiện ông H có vay của ông M, bà Q số tiền 9.000.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất 1%/tháng là có trên thực tế và được các bên đương sự thừa nhận và phù hợp với nội dung hợp đồng vay tiền đã được công chứng vào ngày 11/9/2020 (bút lục số 07-10).

[2.2] Trong quá trình vay, ngày 16/01/2020 ông M, bà Q và ông H chốt lại số nợ, theo đó ông H còn nợ ông M, bà Q số tiền 5.500.000.000 đồng, hẹn trả cuối cùng đủ cả gốc và lãi theo thỏa thuận vào ngày 10/3/2020, có chữ ký và chữ viết xác nhận nợ của ông H (bút lục số 47). Do chưa có tiền trả nên ngày 25/2/2020, ông H viết giấy hẹn trả cho ông M, bà Q số tiền 3.000.000.000 đồng vào ngày 10/3/2020, có chữ ký và chữ viết của ông H (bút lục số 48). Nội dung này cũng được ông H thừa nhận là có vay tiền của ông M, bà Q theo như hợp

đồng lập ngày 11/9/2020 và có đơn xin gia hạn nợ gốc và giấy xác nhận như các tài liệu mà nguyên đơn ông M, bà Hùng đã xuất trình (bút lục số 229).

[2.3] Ông H cho rằng ông bị ép buộc ký vào giấy gia hạn nợ gốc và giấy xác nhận nhưng ông H lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ để xác định ông H bị ép buộc ký vào giấy gia hạn nợ gốc và giấy xác nhận nêu trên.

[3] Sau khi viết giấy hẹn từ ngày 06/3/2020 đến ngày 18/6/2020 ông H trả cho ông M, bà Q tổng số tiền là 1.700.000.000 đồng, (cụ thể: Ngày 06/3/2020, trả 400.000.000 đồng; ngày 10/3/2020 trả 1.000.000.000 đồng; ngày 10/4/2020 trả 100.000.000 đồng; ngày 29/4/2020 trả 50.000.000 đồng; ngày 26/5/2020 trả 50.000.000 đồng và ngày 18/6/2020 trả 100.000.000 đồng) số tiền còn nợ lại 3.800.000.000 đồng.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Thành thừa nhận ông H có vay tiền của ông M, bà Q. Tại đơn xin gia hạn nợ gốc ngày 16/01/2020 và giấy xác nhận cam kết trả tiền ngày 25/02/2020 thì ông H nợ ông M, bà Q số tiền 5.500.000.000 đồng, ông Thành cũng thừa nhận trong đơn xin gia hạn nợ gốc và giấy xác nhận cam kết trả tiền nêu trên thì chữ ký và chữ viết là của ông H.

Ông Thành cho rằng sau khi viết đơn gia hạn trả nợ gốc, ông H đã trả tiền nhiều lần cho ông M, bà Q, trả lần cuối cùng vào ngày 18/6/2020, nay ông H chỉ còn nợ ông M, bà Q 1.088.000.000 đồng tiền gốc và 359.111.667 đồng tiền lãi nên không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông M, bà Q.

[5] Tại đơn xin gia hạn nợ gốc ngày 16/01/2020 (bút lục số 47) và giấy cam kết trả nợ ngày 25/02/2020 (bút lục số 48), ông H xác nhận còn nợ ông M, bà Q số tiền 5.500.000.000 đồng; đến ngày 25/2/2020, ông H viết giấy cam kết trả 3.000.000.000 đồng vào ngày 10/3/2020 cho ông M, bà Q. Sau khi viết giấy cam kết ông H đã trả cho ông M, bà Q tổng số tiền là 1.700.000.000 đồng (Cụ thể các lần trả: Ngày 06/3/2020 trả 400.000.000 đồng; ngày 10/3/2020 trả 1.000.000.000 đồng; ngày 10/4/2020 trả 100.000.000 đồng; ngày 29/4/2020 trả 50.000.000 đồng; ngày 26/5/2020 trả 50.000.000 đồng và ngày 18/6/2020 trả 100.000.000 đồng) là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Thành xuất trình trong quá trình giải quyết vụ án; ông H cũng như ông Thành cũng không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình trong khi đó ông M, bà Q lại không thừa nhận lời trình bày của ông H, ông Thành.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, bà Q để buộc Hùng phải trả số tiền gốc 3.800.000.000 đồng là có căn cứ.

[6] Đối với nội dung ông M, bà Q yêu cầu ông H phải trả tiền lãi trong hạn 1%/tháng, thời gian tính từ ngày 16/1/2020 đến ngày 10/3/2020 và tiền lãi quá hạn 1.5%/tháng từ ngày 11/3/2020 đến khi vụ án được giải quyết xong thì thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông H cho rằng trong quá trình vay mượn thì ông H đã trả tiền gốc và lãi cho ông M, bà Q với mức lãi suất 3.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày là cao hơn mức lãi suất thỏa thuận ghi trong hợp đồng vay tiền nhưng ông H lại không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho nội dung ông M, bà Q tính lãi cao với mức lãi suất 3.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày nên không có căn cứ để xác định mức lãi suất ông H đã trả cho ông M, bà Q là 3.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

Trong khi đó, ông Phan Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của ông H thừa nhận hai bên có thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng và đồng ý trả tiền lãi theo quy định của pháp luật nên cần xác định mức lãi suất mà các bên thỏa thuận là 1%/tháng là phù hợp với hợp đồng vay tiền ngày 11/9/2019.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M, bà Q yêu cầu ông H phải trả cho ông M, bà Quyền số tiền nợ lãi đối với số tiền nợ gốc 3.800.000.000 đồng tính từ ngày 16/01/2020 đến ngày 10/3/2020 với mức lãi suất là 1%/tháng, tiền lãi từ ngày 11/3/2020 đến khi trả nợ xong với mức lãi suất là 1,5%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông M, bà Q là ông Lương Khải A chỉ yêu cầu ông H trả tiền lãi 1%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 16/01/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (04/5/2021).

Đối chiếu với hợp đồng vay tiền ngày 11/9/2019 đã được các bên giao kết và được Văn phòng công chứng số 6, Thành phố H thực hiện việc chứng thực thì mức lãi suất mà các bên thỏa thuận là 1%/tháng, tương ứng với 12%/năm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự để tính lãi suất 1%/tháng trên số tiền nợ gốc 3.800.000.000 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật.

[8] Đối với thời gian tính lãi thì thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi từ ngày 16/01/2020 là chưa phù hợp. Bởi lẽ, ông H xác nhận nợ ông M, bà Q vào ngày 16/01/2020 nhưng sau đó các ngày 06/3/2020, 10/3/2020, 10/4/2020, 29/4/2020, 26/5/2020, 18/6/2020 ông H đã trả cho ông M, bà Q 1.700.000.000 đồng. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải tính lãi suất tương ứng với số tiền nợ gốc trên từng thời điểm mà ông H trả cho ông M, bà Q nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ

tuyên buộc ông H trả số tiền lãi 591.533.300 đồng là thiếu sót nhưng do nguyên đơn ông M, bà Q không kháng cáo nên không có căn cứ để xem xét. Do đó, số tiền lãi được tính như sau:

Tiền gốc 3.800.000.000 đồng x 1% /tháng x 15 tháng = 570.000.000 đồng.

Tiền gốc 3.800.000.000 đồng x 1%/tháng x 17 ngày : 30 ngày = 21.533.333 đồng. Tổng cộng gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với khoản vay trên là: 3.800.000.000 đồng + 570.000.000 đồng + 21.533.300 đồng = 4.391.533.300 đồng *(đã làm tròn số)*. Như vậy, tổng số tiền ông H phải trả cho ông M, bà Q, là 4.391.533.300 đồng (trong đó tiền gốc là 3.800.000.000 đồng và 591.533.300 đồng tiền lãi).

[9] Đối với các chứng từ là Ủy nhiệm chi liên quan đến Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xuất nhập khẩu C do ông H là người đại diện theo pháp luật thì thấy rằng: Theo các ủy nhiệm chi khách hàng trả tiền cho khách hàng thụ hưởng là bà Lương Thị Lam Q từ ngày 23/9/2019 đến ngày 25/10/2019 (bút lục số 109-129). Số tiền Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xuất nhập khẩu C đã chuyển trả cho ông M, bà Q vào năm 2019 là trước thời điểm hai bên chốt nợ 5.500.000.000 đồng vào ngày 16/01/2020.

Như vậy, Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xuất nhập khẩu C không có liên quan đến số tiền Minh, bà Q khởi kiện ông H nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp, trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xuất nhập khẩu C có tranh chấp với ông M, bà Q liên quan đến các ủy nhiệm chi do Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xuất nhập khẩu C xuất trình thì Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xuất nhập khẩu C có quyền khởi kiện để được xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có tranh chấp.

[10] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thúy H2 (nhân viên kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xuất nhập khẩu C) là người trực tiếp chuyển tiền trả vào số tài khoản của bà Lương Thị Lam Q từ ngày 23/9/2019 đến ngày 08/01/2020 (bút lục số 109-129). Bà Hằng chuyển tiền trả trước thời điểm hai bên chốt số nợ vào ngày 16/01/2020.

Như vậy, bà Hằng cũng không có liên quan đến số tiền ông M, bà Q khởi kiện ông H nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp, trong trường hợp bà Hằng có tranh chấp với ông M, bà Q liên quan đến việc bà Hằng chuyển tiền cho bà Q thì bà Hằng có quyền khởi kiện để được xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có tranh chấp.

[11] Do nguyên đơn ông M khởi kiện yêu cầu ông H trả 4.100.000.000đ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông H trả 3.800.000.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông M, bà Q đối với số tiền 300.000.000 đồng mà ông M, bà Q đã rút một phần yêu cầu khởi kiện là thiếu sót; do đó, Tòa án cấp phúc thẩm cần đình chỉ đối với số tiền 300.000.000đồng là có căn cứ.

[12] Với những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông M, bà Q để buộc bị đơn ông H phải trả cho ông M, bà Q số tiền gốc và tiền lãi là 4.391.533.300 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông H.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[14] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Phan Ngọc H không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Ngọc H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2021/DS-ST ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện L về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Lương Thị Lam Q với bị đơn ông Phan Ngọc H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xuất nhập khẩu C, bà Trần Thị Thúy H2. Cụ thể như sau:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Lương Thị Lam Q đối với số tiền 300.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Lương Thị Lam Q về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn ông Phan Ngọc H.

Buộc ông Phan Ngọc H phải trả cho ông Nguyễn Văn M, bà Lương Thị Lam Q số tiền gốc là 3.800.000.000 đồng *(ba tỷ tám trăm triệu đồng)* và số tiền lãi là 591.533.300 đồng *(năm trăm chín mươi mốt triệu năm trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng)*. Tổng cộng, số tiền gốc và tiền lãi là 4.391.533.300 đồng *(bốn tỷ ba trăm chín mươi mốt triệu năm trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng)*, ông H tiếp tục chịu tiền lãi từ ngày tiếp theo (05/5/2021) cho đến khi trả hết số tiền gốc.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phan Ngọc H phải chịu 112.391.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn M, bà Lương Thị Lam Q số tiền 56.294.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông M, bà Q đã tạm nộp theo biên lai thu số 0014815 ngày 20/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Phan Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông H đã tạm nộp theo biên lai thu số 0015346 ngày 07/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Ông H đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận
- VKSND tỉnh L;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện L (02);
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự (08);
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Bùi Hữu Nhân